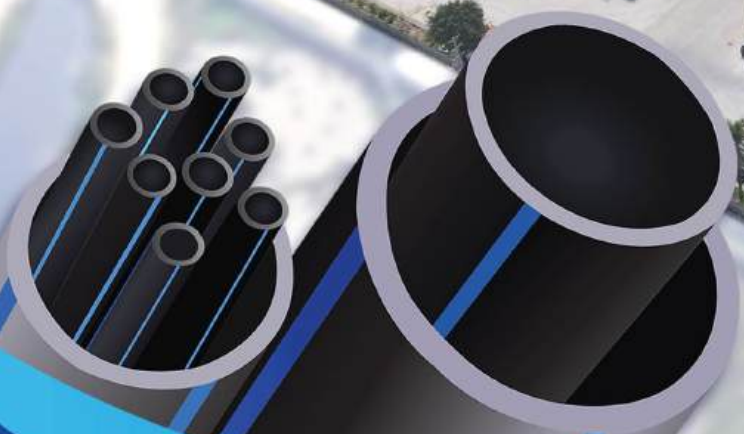




VỮNG VÀNG CÙNG THỜI GIAN



**GIỚI THIỆU**  
**NHÀ MÁY HƯNG YÊN STP**  
[www.stpgroup.com.vn](http://www.stpgroup.com.vn)



## MỤC LỤC

|                                               |    |
|-----------------------------------------------|----|
| GIỚI THIỆU NHÀ MÁY HUNG YÊN STP GROUP         | 04 |
| SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ MÁY                         | 08 |
| NĂNG LỰC SẢN XUẤT                             | 11 |
| DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ                     | 14 |
| NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO                       | 19 |
| GIỚI THIỆU PHÒNG LAB                          | 23 |
| NĂNG LỰC VẬN TẢI                              | 26 |
| CHỨNG NHẬN, CHỨNG CHỈ SẢN PHẨM                |    |
| HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC, CÔNG ĐOÀN NHÀ MÁY HUNG YÊN |    |



**NHÀ MÁY HUNG YÊN STP GROUP**  
Địa chỉ: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.



**Hotline:** 1900 0246  
**Email:** info@stpgroup.com.vn  
**Website:** stpgroup.com.vn







## STP GROUP

Với tổng diện tích hơn 50,000 m2 và 118 máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, kiểm tra chất lượng sản phẩm, Nhà máy Hưng Yên STP Group là một trong những đơn vị sản xuất ống HDPE quy mô nhất tại Việt Nam.

Tổng sản lượng tối đa là 43,500 tấn/ năm, Nhà máy Hưng Yên STP Group sản xuất đa dạng kích thước ống HDPE từ dòng ống HDPE D20 đến các dòng ống HDPE lớn nhất trên thị trường hiện nay là D1200, D2000.

Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN, QCVN, QCDP, DIN, mỗi sản phẩm được sản xuất tại Nhà máy Hưng Yên STP Group đều là sự uy tín cho khách hàng và niềm tự hào của chúng tôi.

## STP GROUP - ĐỐI TÁC DOANH NGHIỆP



## 50,000 m2

DIỆN TÍCH NHÀ MÁY

## 118+

MÁY MÓC, THIẾT BỊ

## 43,500

tấn ống HDPE/năm

SẢN LƯỢNG MỖI NĂM

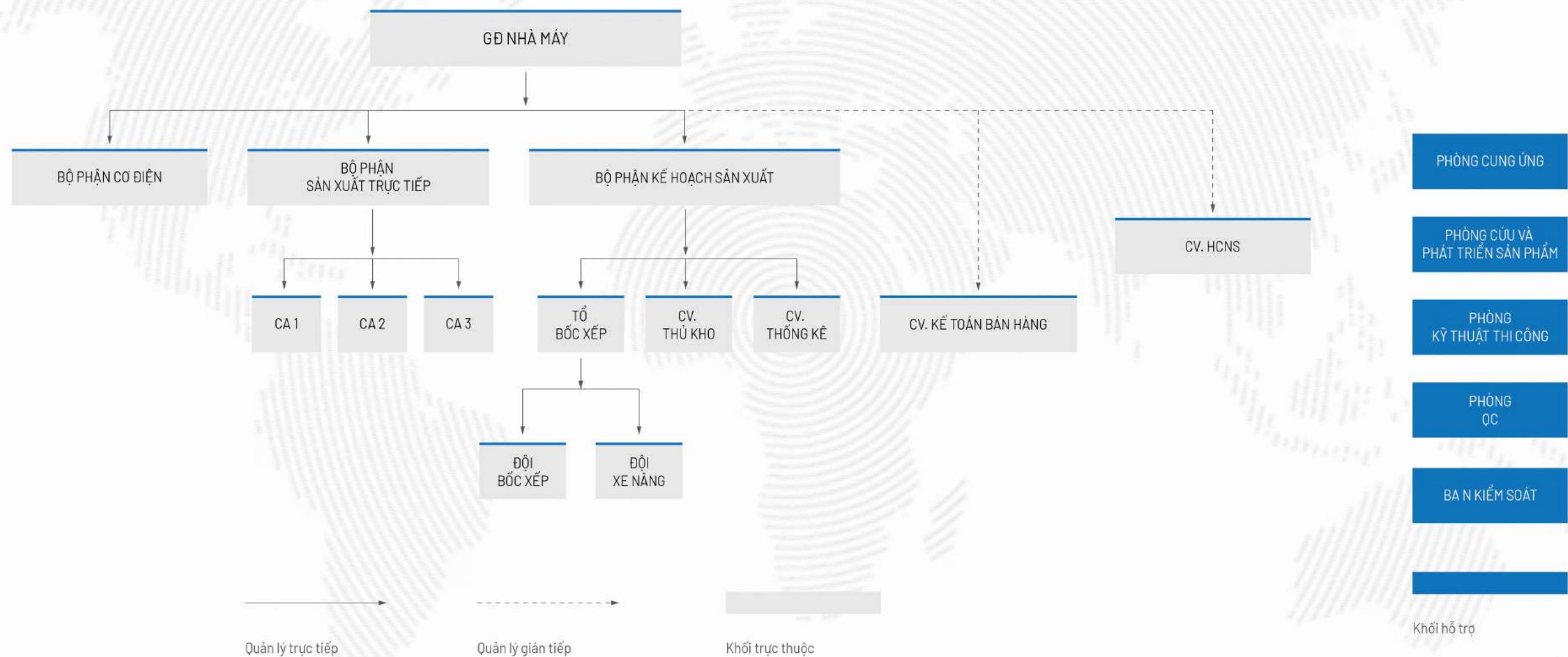
## 60+

NHÂN SỰ TRỰC THUỘC

## STP GROUP - ĐỐI TÁC CUNG ỨNG









# DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

Đặt tiêu chí chất lượng hàng đầu, STP Group tập trung đầu tư cho hệ thống trang thiết bị thí nghiệm và thử nghiệm hiện đại. Phòng thí nghiệm của STP Group là phòng thí nghiệm hàng đầu trong các đơn vị sản xuất sản phẩm HDPE được Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) – Bộ khoa học Công nghệ chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC17025:2005.

Đây là tiêu chuẩn được tất cả các tổ chức trong nước sử dụng để tiến hành đánh giá công nhận năng lực phòng thí nghiệm. Do đó các kết quả kiểm tra và thử nghiệm của phòng thí nghiệm STP Group đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và được các tổ chức quốc tế công nhận.

| STT<br>No.                                                     | DANH MỤC THIẾT BỊ<br>LIST OF EQUIPMENT                                        | XUẤT XỨ<br>ORIGIN   | SỐ LƯỢNG<br>QUANTITY | SẢN LƯỢNG<br>OUTPUT (tons) |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------|----------------------------|
| MÁY MÓC THIẾT BỊ SẢN XUẤT   PRODUCTION MACHINERY AND EQUIPMENT |                                                                               |                     |                      |                            |
| 1                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D20 - D90<br>D20 - D90 HDPE pipe extrusion line       | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 4,320                      |
| 2                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D20 - D110<br>D20 - D110 HDPE pipe extrusion line     | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 4,320                      |
| 3                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D50 - D125<br>D90 - D250 HDPE pipe extrusion line     | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 5,184                      |
| 4                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D90 - D251<br>D110 - D250 HDPE pipe extrusion line    | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 6,912                      |
| 5                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D90 - D315<br>D110 - D250 HDPE pipe extrusion line    | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 6,912                      |
| 6                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D110 - D315<br>D140 - D500 HDPE pipe extrusion line   | Đức<br>Germany      | 01 bộ<br>01 set      | 6,912                      |
| 7                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D140 - D500<br>D140 - D500 HDPE pipe extrusion line   | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 7,776                      |
| 8                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D315 - D710<br>D140 - D500 HDPE pipe extrusion line   | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 5,184                      |
| 9                                                              | Dây truyền đùn ống HDPE D200 - D500<br>D280 - D630 HDPE pipe extrusion line   | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 6,912                      |
| 10                                                             | Dây truyền đùn ống HDPE D280 - D630<br>D315 - D710 HDPE pipe extrusion line   | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 7,776                      |
| 11                                                             | Dây truyền đùn ống HDPE D630 - D1200<br>D630 - D1200 HDPE pipe extrusion line | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 10,368                     |
| 12                                                             | Máy thổi phao HDPE D800<br>D800 HDPE Float Blowing Machine                    | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 490                        |
| 13                                                             | Máy thổi phao HDPE D1200<br>D1200 HDPE Float Blowing Machine                  | Nhập khẩu<br>Import | 02 bộ<br>02 sets     | 490                        |
| 14                                                             | Máy thổi phao HDPE D2500<br>D2500 HDPE Float Blowing Machine                  | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 455                        |
| 15                                                             | Máy ép phun M1 - 1800 T<br>1800 T Injection Molding Machine                   | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 50                         |
| 16                                                             | Máy ép phun M2 - 2400 T<br>2400 T Injection Molding Machine                   | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 65                         |
| 17                                                             | Máy ép phun M3 - 3500 T<br>3500 T Injection Molding Machine                   | Nhập khẩu<br>Import | 01 bộ<br>01 set      | 85                         |

| THIẾT BỊ PHÒNG LAB   LABOR PROTECTION EQUIPMENT |                                                                         |                     |           |    |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|----|
| 1                                               | Máy thổi áp lực khí<br>Air pressure blower                              | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 02 |
| 2                                               | Máy đo độ uốn cong<br>Bendness meter                                    | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 02 |
| 3                                               | Máy test áp lực<br>Pressure testing machine                             | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 01 |
| 4                                               | Máy Test độ va đập ống<br>Pipe impact tester                            | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 02 |
| 5                                               | Hệ thống thử áp lực thủy tĩnh<br>Hydrostatic pressure testing equipment | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 01 |
| 6                                               | Máy đo độ giãn dài vật liệu HDPE<br>HDPE material extensometer          | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 03 |
| 7                                               | Máy đo chất lượng nhựa MI<br>Plastic quality testing equipment          | Nhập khẩu<br>Import | Bộ<br>Set | 01 |

| MÁY MÓC THIẾT BỊ HỖ TRỢ   SUPPORTED MACHINE AND EQUIPMENT |                                                                      |                         |                    |    |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------|----|
| 1                                                         | Máy hàn ống HDPE D160<br>D160 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 20 |
| 2                                                         | Máy hàn ống HDPE D200<br>D200 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 25 |
| 3                                                         | Máy hàn ống HDPE D250<br>D250 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 30 |
| 4                                                         | Máy hàn ống HDPE D315<br>D315 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 30 |
| 5                                                         | Máy hàn ống HDPE D450<br>D450 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 20 |
| 6                                                         | Máy hàn ống HDPE D630<br>D630 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 30 |
| 7                                                         | Máy hàn ống HDPE D800<br>D800 HDPE pipe welding machine              | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 15 |
| 8                                                         | Máy hàn ống HDPE D1200<br>D1200 HDPE pipe welding machine            | Nhập khẩu<br>Import     | Bộ<br>Set          | 15 |
| 9                                                         | Máy hàn bịt đầu tự động số<br>Automatic head sealing welding machine | Nhật Bản<br>Japan       | Bộ<br>Set          | 02 |
| 10                                                        | Máy nén khí 75 KW<br>75 KW Screw Compressor                          | Nhật Bản<br>Japan       | Bộ<br>Set          | 02 |
| 11                                                        | Hệ thống làm lạnh nước 55 KW<br>55 KW Water cooled screw chiller     | Nhật Bản<br>Japan       | Hệ thống<br>System | 03 |
| 12                                                        | Hệ thống làm lạnh nước 75 KW<br>75 KW Water cooled screw chiller     | Nhập khẩu<br>Import     | Hệ thống<br>System | 03 |
| 13                                                        | Xe nâng 2 tấn<br>Forklift 2 tons                                     | Nhập khẩu<br>Import     | Chiếc<br>Pcs       | 02 |
| 14                                                        | Xe nâng 2.5 tấn<br>Forklift 2.5 tons                                 | Nhập khẩu<br>Import     | Chiếc<br>Pcs       | 02 |
| 15                                                        | Xe nâng 3 tấn<br>Forklift 3 tons                                     | Nhập khẩu<br>Import     | Chiếc<br>Pcs       | 02 |
| 16                                                        | Xe nâng 3.5 tấn<br>Forklift 3.5 tons                                 | Nhật Bản<br>Japan       | Chiếc<br>Pcs       | 02 |
| HẠNG MỤC VẬN TẢI   TRANSPORTATION CATEGORY                |                                                                      |                         |                    |    |
| 1                                                         | Xe tải 5 tấn<br>5 tons truck                                         | Hàn Quốc<br>South Korea | Chiếc<br>Pcs       | 10 |
| 2                                                         | Xe tải 8 tấn<br>8 tons truck                                         | Hàn Quốc<br>South Korea | Chiếc<br>Pcs       | 08 |
| 3                                                         | Xe tải 16 tấn<br>16 tons truck                                       | Hàn Quốc<br>South Korea | Chiếc<br>Pcs       | 08 |





## PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA STP GROUP

*Phòng thí nghiệm của STP Group là phòng thí nghiệm hàng đầu trong sản xuất ống nhựa được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) – Bộ Khoa học Công Nghệ chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC17025:2005. Đây là tiêu chuẩn được tất cả các tổ chức trong nước sử dụng để tiến hành đánh giá công nhận năng lực phòng thí nghiệm. Do đó, các kết quả kiểm tra và thử nghiệm của phòng thí nghiệm STP Group đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và được các tổ chức quốc tế công nhận.*

### 1. CHỨC NĂNG CHÍNH

Trong quá trình sản xuất, việc thử nghiệm, kiểm tra, đánh giá là một phần quan trọng để đảm bảo rằng sản phẩm cuối cùng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn. Một số hoạt động chính của phòng thí nghiệm của STP Group.

- Kiểm tra độ ẩm của hạt nhựa.
- Kiểm tra tốc độ dòng chảy của nhựa.
- Kiểm tra độ giãn dài khi đứt.
- Kiểm tra thay đổi kích thước của sản phẩm
- Kiểm tra độ bền thủy tĩnh của ống.

Tất cả các quy trình kiểm tra và thử nghiệm này được thực hiện tại phòng thí nghiệm của STP Group theo đúng quy trình:

**Bước 1:** Lấy mẫu kiểm tra

**Bước 2:** Kiểm tra đánh giá, phân tích theo TCVN7305 (ISO4427)

**Bước 3:** Ban hành công bố kết quả

### 2. THIẾT BỊ ĐO PHÒNG LAB

- Máy đo độ ẩm hạt nhựa
- Máy test MI
- Máy kiểm tra giãn dài
- Máy kiểm tra thay đổi chiều dọc sản phẩm
- Máy kiểm tra áp suất thủy tĩnh







## NHÀ MÁY HƯNG YÊN STP GROUP

CAM KẾT  
TUÂN THỦ  
LINH HOẠT  
CHẤT LƯỢNG

## NĂNG LỰC VẬN TẢI CỦA STP GROUP

20 lái xe  
8 phụ xe  
20 xe có tải trọng từ 1.25 tấn đến 10 tấn.

**CÁC TUYỂN CHÍNH:**  
Tuyển các tỉnh Tây Bắc: 05 xe  
Tuyển các tỉnh miền Trung, miền Nam: 07 xe  
Tuyển các tỉnh lân cận Hưng Yên: 10 xe

Với đội ngũ lái xe trong đội xe có trách nhiệm giàu kinh nghiệm trong vận chuyển hàng hóa, cam kết đảm bảo an toàn và bàn giao hàng đúng quy định của Công ty và khách hàng yêu cầu. Đội ngũ bốc xếp được huấn luyện chuyên nghiệp bên cạnh các phương tiện hỗ trợ như xe nâng, xe cầu sẽ đáp ứng được yêu cầu trong quá trình bốc xếp hàng hóa.

Chúng tôi mang đến những sản phẩm dịch vụ vận chuyển đường bộ nhanh chóng, hiệu quả, với trang thiết bị hiện đại, các phương tiện vận chuyển được đầu tư đa dạng hơn nhờ đó hàng hóa được lưu thông nhanh chóng, đảm bảo an toàn và giá cước phù hợp.





# NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm tại STP Group đều là những loại nguyên vật liệu có chất lượng cao và ổn định, được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nổi tiếng từ Ả Rập, Hàn Quốc.



# CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ & CHẤT LƯỢNG

**CERTIFICATE OF ORIGIN**

TO: HONAIIT BAY CONG...  
FROM: HONAIIT BAY CONG...

DATE: 04/01/2021

**CERTIFICATE OF ORIGIN**

TO: HONAIIT BAY CONG...  
FROM: HONAIIT BAY CONG...

DATE: 04/01/2021

**CERTIFICATE OF ORIGIN**

TO: HONAIIT BAY CONG...  
FROM: HONAIIT BAY CONG...

DATE: 04/01/2021

**KPIC CORPORATION**

**CERTIFICATE OF ANALYSIS**

DATE: DEC. 18, 2020

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

**Certificate of Origin**

DATE: 06/12/2019

Order Number: 000017447

Delivery: 000017447

Shipment No: 000017447

Material: Dorsale HE3400LS HD polyethylene

Country of Origin: UAE

Quantity (MT): 24.750

**CERTIFICATE OF ANALYSIS**

DATE: MAY 16, 2021

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

**CERTIFICATE OF ORIGIN**

DATE: MAY 16, 2021

Order Number: 000017447

Delivery: 000017447

Shipment No: 000017447

Material: Dorsale HE3400LS HD polyethylene

Country of Origin: UAE

Quantity (MT): 24.750

**CERTIFICATE OF ANALYSIS**

DATE: MAY 16, 2021

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

**KOREA PETROCHEMICAL IND. CO., LTD.**

**CERTIFICATE OF ORIGIN**

DATE: DEC. 18, 2020

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

**LOTTE CHEMICAL**

**Certificate of Analysis**

DATE: DEC. 18, 2020

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

**LOTTE CHEMICAL**

**CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY**

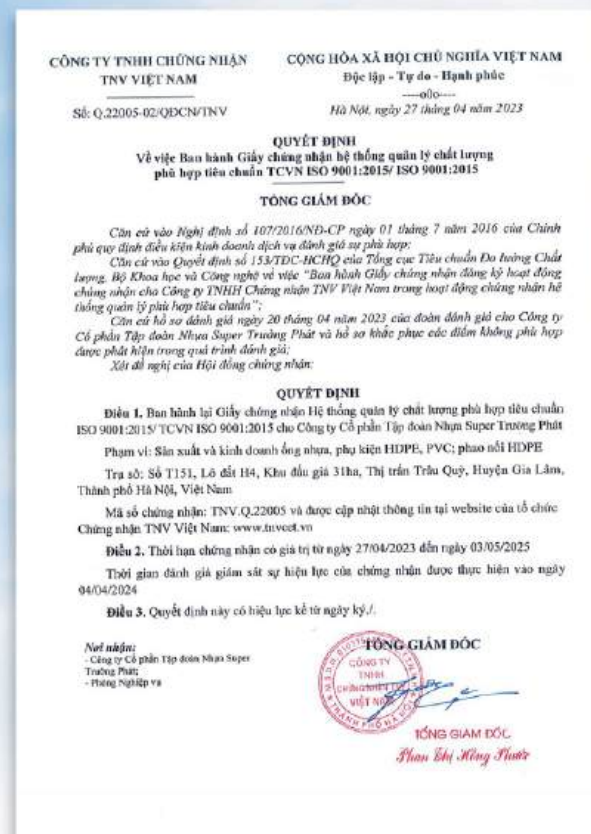
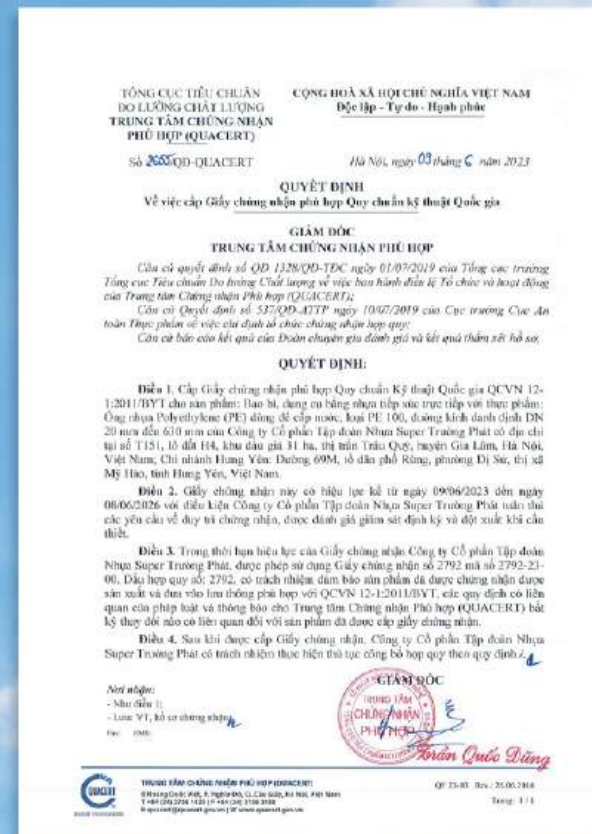
DATE: DEC. 18, 2020

PROPERTY TEST METHOD UNIT RESULT

|                      |             |                   |        |
|----------------------|-------------|-------------------|--------|
| LOT NO               |             |                   | 70MS23 |
| QUANTITY (MT)        |             |                   | 34MT   |
| Half Index           | ASTM D1238  | g/10min           | 0.22   |
| Density              | ASTM D1505  | g/cm <sup>3</sup> | 0.952  |
| Yellow Index         | ASTM D1925  |                   | ± 2.4  |
| Centrifugation       | KPIC Method | ea                | 1      |
| Weight of 30 pellets | KPIC Method | g/30ea            | 0.85   |
| Appearance           | KPIC Method |                   | GOOD   |

\*Chú thích: STP Group tiên thân là Super Trường Phát





\*Chú thích: STP Group tiền thân là Super Trường Phát



## CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

|  TỔNG CỤC THIẾT CHUẨN BQL LƯỢNG CHẤT LƯỢNG<br>TRUNG TÂM KIỂM THỬ THIẾT CHUẨN BQL LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 3<br>QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| KT3-01956BHD9                                                                                                                                                                                                                | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b>                                                                                                                                                                                                                                                             | 25/09/2019<br>Page 01/02                                                                                                                                                                                            |
| 1. Tên mẫu<br><i>Name of sample</i>                                                                                                                                                                                          | : ÔNG NHỰA HDPE PE100 PN10 D315 x 18,7 mm<br>Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường DT769<br>Xã Đại Phước<br>Địa điểm: Xã Đại Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                     |
| 2. Mô tả mẫu<br><i>Description</i>                                                                                                                                                                                           | : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / <i>Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.</i><br>: Ống ống nhựa màu đen có 4 sọc màu xanh dương.<br><i>Black plastic pipe with four cyan stripes</i> |                                                                                                                                                                                                                     |
| 3. Số lượng mẫu<br><i>Quantity</i>                                                                                                                                                                                           | : 01                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                     |
| 4. Ngày nhận mẫu<br><i>Date of receipt</i>                                                                                                                                                                                   | : 09/09/2019                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                     |
| 5. Thời gian thử nghiệm:<br><i>Testing duration</i>                                                                                                                                                                          | : 10/09/2019 – 23/09/2019                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                     |
| 6. Nơi gửi mẫu<br><i>Customer</i>                                                                                                                                                                                            | : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT<br>Số 15, Ngõ 64, Ngõ Xuân Quang, TT Trừn Phú, Gia Lâm, Hà Nội                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                     |
| 7. Kết quả thử nghiệm<br><i>Test results</i>                                                                                                                                                                                 | : Xem trang tiếp theo<br><i>Refer to next page</i>                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>TRƯỜNG PTN HÀNG TIÊU CHUẨN<br/> HEAD OF CONSUMER PRODUCTS</b><br><br><br><b>Nguyễn Phước Hải</b>                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR<br/> TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM</b><br><b>HEAD OF TESTING LAB.</b><br><br><br><b>Phạm Thị Thu Trang</b> |

# Quatest 21

TỔNG CỤC THỬ CHẤT LƯỢNG VÀ ĐƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Directorate for Standards Metrology and Quality

TRUNG TÂM KỸ THUẬT THỬ CHẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 01 Hoàng Diệu Phố  
 Quận Đống Đa - Hà Nội  
 Điện thoại: 04 3831 3000 - Fax: 04 3831 1000  
 Website: www.quatest.vn  
 Cơ sở 1: Số 03 Phố Hoàng Diệu  
 Quận Đống Đa - Hà Nội  
 Điện thoại: 04 3831 1000  
 Fax: 04 3831 1000

Số/No: ĐQT/PT/ĐTV/21.01 Trang: 01 / 01

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Ông HDPE 100 PN10 D1200

2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Nhựa Super Trường Phát

3. Số lượng mẫu: 01 mẫu 4. Ngày nhận mẫu: 23/06/2021

5. Tình trạng mẫu: 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét - 01 đoạn ống nhựa dài 0,5m

6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 24/06/2021 đến ngày 16/07/2021

| STT                       | Tên chỉ tiêu                                     | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức quy định theo TCVN 7305-2: 2008 | Kết quả  |
|---------------------------|--------------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------------------------|----------|
| 1                         | Đường kính ngoài                                 | mm     | TCVN 6145: 2004   | 1200,0 ± 12,10-8                    | 1208,6   |
| 2                         | Chiều dày vách ống                               | mm     | TCVN 6145: 2004   | 67,8 ± 74,8                         | 69,5     |
| 3                         | Dé oval                                          | mm     | TCVN 7305-2: 2008 |                                     |          |
| 4                         | Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc            | %      | TCVN 6148: 2007   | ≤ 3,0                               | 2,8      |
| 5                         | Độ giãn dài khi đứt                              | %      | TCVN 7434: 2004   | ≥ 550                               | 358      |
| 6                         | Đa biến độ xuất hiện ứng suất 20°C trong 100 giờ |        | TCVN 6149: 2007   | Không rõ                            | Không rõ |
| * Nguyên nhân 242,4kg/cm² |                                                  |        |                   |                                     |          |

TRƯỞNG TÊN HÀNG TIÊU DÙNG

*Phạm Thị Hằng*

Phạm Thị Hằng

Hết hạn: ngày 16/07/2021

PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Ngọc Châu*

1. Phép kiểm soát này chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được kiểm tra kỹ.

This test result is valid only for samples taken by customer.

2. Không được trích ra một phần từ kết quả này mà không được sự đồng ý của Trung tâm KT chất lượng.

This test result shall not reproduced except in full, without the written approval of QC/PT/ĐTV.

3. Các mẫu thử và khách hàng được ghi trên đây của khách hàng.

Name of sample and customer are written as customer is request.

ĐQT/ĐTV/ĐTV

Lưu bản gốc: 01/200/0



**TỔNG CỤC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**  
**Directorate for Standards Metrology and Quality**  
**THUNG TÂM 45 THUẬN HỮU CHIẾN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  
**Quality Association and Testing Center 1**

Thị trấn Thuận Hải  
 Xã Thuận Hải  
 Huyện Thuận Hải  
 Tỉnh Bạc Liêu  
 Việt Nam  
 Điện thoại: 091 961 961 961  
 Email: [qatest21@gmail.com](mailto:qatest21@gmail.com)  
 Địa chỉ: 45 Thuận Hữu, Thuận Hưng,  
 Huyện Thuận Hải, Bạc Liêu  
 Việt Nam  
 Mã số thuế: 0310300001  
 Mã số đăng ký kinh doanh: 0310300001

Số/No. *A77/đktđ/TH*
Trang/Hoạt *1/1*

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

**1. Tên mẫu thử:** Ống HDPE PE100 PN DN250x11,9 (Cấp độ Công ty CP nhà dân sự nhà trường Tân Phú)

**2. Khách hàng:** *Mã đơn hàng công trình: Xây lập công trình hệ thống cấp nước an toàn và cơ nước bề là xã Vĩnh Xuân, huyện Vĩnh Xuyên, tỉnh Kiên Giang*

**3. Số lượng mẫu:** 01 mẫu

**4. Ngày nhận mẫu:** 26/10/2019

**6. Thời gian thử nghiệm:** Từ ngày 26/10/2019 đến ngày 30/10/2019

**5. Tình trạng mẫu:** 01 đoạn ống nhựa dài 1 mét

| STT | Tên chỉ tiêu                                 | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức yêu định theo TCVN 7305-2: 2008 | Kết quả     |
|-----|----------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------------------------|-------------|
| 1   | Đường kính ngoài                             | mm     | TCVN 6145: 2004   | 250,0 ± 251,5                       | 250,4       |
| 2   | Chuều dày vách ống                           | mm     | TCVN 6145: 2004   | 11,9 ± 13,2                         | 11,9        |
| 3   | Độ oval                                      |        | TCVN 7305-2: 2008 | ≤ 5,0                               | 1,6         |
| 4   | Độ bền áp suất thủy tĩnh ở 20°C trong 24 giờ |        | TCVN 6149: 2007   | Không rò rỉ                         | Không rò rỉ |

*Đã kiểm tra*



Hà Nội, ngày 30/10/2019  
**KT. GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG TIÊU DÙNG**

*Thuy Pham*

**Phạm Thị Hằng**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Chiến*

1. *Phản ánh quá mức về độ sai lệch của kết quả thử nghiệm so với yêu cầu.*

2. *Kiểm tra chất lượng mẫu thử không đạt yêu cầu về độ bền áp suất thủy tĩnh.*

3. *Đánh giá chất lượng mẫu thử không đạt yêu cầu về độ bền áp suất thủy tĩnh.*

4. *Đánh giá chất lượng mẫu thử không đạt yêu cầu về độ bền áp suất thủy tĩnh.*

# Quatest 1

TỔNG TRUNG TÂM KIỂM CHẤM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Directorate for Standards Metrology and Quality

TRUNG TÂM KIỂM CHẤM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG I

Quality Assurance and Testing Center I

Tên đơn vị khách hàng/ Quý khách:

Địa chỉ: 46/46/1

Số điện thoại: 04 38 22 97 91 - Fax: 04 38 22 97 92

Website: www.quatest.vn

Địa chỉ Email: info@quatest.vn

Địa chỉ Email: info@quatest.vn

Số fax: 04 38 22 97 92 - Fax: 04 38 22 97 92

Số No: 471/2334/2012

Trang/Paper: 1/1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

**1. Tên mẫu thử:** Ống HDPE 100 PN6 D50x10, 1 Meter

*Mẫu được cung trình: Không cấp mẫu sinh hoạt qua Tổng Mạng, dự án để chứng nhận ISO*

**2. Khách hàng:** Công ty TNHH Cầu và xây dựng SNK Trường Thịnh

**3. Số lượng mẫu:** 01 mẫu

**4. Ngày nhận mẫu:** 25/05/2019

**5. Tình trạng mẫu:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,5 mét + 01 đoạn ống nhựa dài 1 mét

**6. Thời gian thử nghiệm:** Từ ngày 25/05/2019 đến ngày 06/06/2019

| STT | Tên chỉ tiêu                                  | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức quy định theo ISO 4427-2: 2007 | Kết quả     |
|-----|-----------------------------------------------|--------|-------------------|------------------------------------|-------------|
| 1   | Đường kính ngoài                              | mm     | TCVN 6145: 2004   | 500,0 ± 0,3/0,0                    | 500,3       |
| 2   | Chiều dày vách ống                            | mm     | TCVN 6145: 2004   | 19,1 ± 2,1                         | 19,3        |
| 3   | Dộ oval                                       | mm     | TCVN 7305-2: 2008 | ≤ 17,5                             | 2,8         |
| 4   | Su thay đổi kích thước theo chiều dọc         | %      | TCVN 6148: 2007   | ≤ 3,0                              | 1,1         |
| 5   | Độ bền kéo đứt                                | MPa    | TCVN 7434: 2004   |                                    | ≥ 24,0      |
| 6   | Độ giãn dài khi đứt                           | %      | TCVN 7434: 2004   | ≥ 350                              | 611         |
| 7   | Độ bền áp suất thủy tĩnh ở 20°C trong 100 giờ |        | TCVN 6149: 2007   | Không rò rỉ                        | Không rò rỉ |



Trưởng PTN Hàng Tiêu Dùng

*Phạm Thùy Hằng*

Phạm Thùy Hằng



Hà Nội, ngày 06 / 06 / 2019

Ký, Giám Đốc



PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Ngọc Thạch*

1. Phần kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử được khách hàng trình thử.

2. Các kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị cho mẫu thử được trình thử.

3. Không được trình mẫu thử phân tích quá ngày mà không được sự đồng ý của trung tâm KIỂM CHẤM.

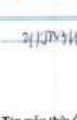
4. Các kết quả thử nghiệm này không được coi là bằng chứng để chứng minh sự phù hợp của sản phẩm với yêu cầu kỹ thuật.

5. Các mẫu thử và khách hàng được thử nghiệm phải được lưu trữ và bảo quản theo yêu cầu.

*Some of sample and customer are written as customer's request*

THUYEN/3-1408/2014

|  <b>TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG</b><br><b>TRUNG TÂM KIỂM THỬ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3</b><br><b>QUALITY ASSURANCE &amp; TESTING CENTER 3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| KT3-01.582AHD01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 12/04/2019<br>Page 01/02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1. Tên mẫu<br><i>Name of sample</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>ÔNG NHỰA HDPE PE100 PN10 D450 x 26,7 mm – M1</b><br><b>Công trình: Hệ thống thủy lợi Lã Chải 61 thuộc dự án do CSHT</b><br><b>Đơn vị công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, huyện Phù Hòa, tỉnh Phú Yên</b>                                                                                                                                      |
| 2. Số lượng mẫu<br><i>Quantity</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3. Mô tả mẫu<br><i>Description</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu</b><br><b>do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer,</b><br><b>sample name and sample information were supplied by customer.</b><br><b>01 ống nhựa màu đen (có 4 véc xanh dương)</b><br><b>01 plastic pipe with black color and four cyan stripes</b> |
| 4. Ngày nhận mẫu<br><i>Date of receiving</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 01/04/2019                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 5. Nơi gửi mẫu<br><i>Customer</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM HƯNG VIỆT</b><br><b>Số 84, Đường 11, KP.5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh</b>                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6. Thời gian thử nghiệm : 02/04/2019 – 12/04/2019<br><i>Test period</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02<br><i>Test result</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | see page                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG</b><br><b>HEAD OF CONSUMER PRODUCTS</b><br><b>TESTING LAB.</b><br><br><b>Nguyễn Phước Hải</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|  <b>TRƯỞNG ĐƠN VỊ / PP. DIRECTOR</b><br><b>TRUNG TÂM KIỂM THỬ NGHIỆM</b><br><b>HEAD OF TESTING LAB.</b><br><b>ĐIỂM LƯỢNG 3</b><br><b>Phan Thành Trung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             1. Các tài liệu và thông tin kỹ thuật được ghi trên đây chỉ để sử dụng nội bộ phòng thí nghiệm. Các tài liệu khác ngoài phạm vi được cấp quyền truy cập chỉ để tham khảo và không được sao chép, tái sản xuất hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. / The documents and technical information recorded on this page are for internal use of the laboratory only. Other documents outside the scope of authorized access are for reference only and should not be copied, reproduced or used for any other purpose.         </small> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             2. Nếu có thay đổi, khách hàng phải ghi rõ trên phiếu thử nghiệm và gửi kèm theo hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm. / If there is a change, the customer must clearly record it on the test report and submit it with the technical file of the product.         </small>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             3. Đối tượng thử nghiệm phải được kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn áp dụng. / The test object must be inspected and evaluated according to the law and the applicable standards.         </small>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             4. Thông tin liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Contact information: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             5. Địa chỉ liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Address: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             6. Địa chỉ liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Address: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             7. Địa chỉ liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Address: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             8. Địa chỉ liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Address: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <small>             9. Địa chỉ liên lạc: Phòng Quản lý Chất lượng, Trung tâm Kiểm thử Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. / Address: Quality Management Department, Quality Assurance &amp; Testing Center 3, Đường 11, Khu phố 5, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.         </small>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



**Quatest 1**

**TỔNG CỤC THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  
**Directorate for Standard Metrology and Quality**  
**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  
**Quality Assurance and Testing Center 1**

Ty cấp chứng chỉ & chứng Quality Assurance và ISO 9001  
 Cấp chứng chỉ và chứng ISO 9001  
 Website: www.qlatc.gov.vn  
 Cơ quan & đơn vị thực hiện: Trung tâm Đo lường và Chất lượng - Hà Nội  
 Tel: 024 32121000 - Fax: 024 32121001

Số/Ngày: 21/12/2021
Trang/Hợp: 1/1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Cng HDPE PE100 PN6 D630x24,1**  
*(Hợp đồng mua bán số: 241/2021/HĐMB/CNC-TRUNGPHAT)*
- Khách hàng:** Công ty TNHH MTV về hợp cơ khí Thaco Chu Lai  
*Địa chỉ: Thôn 4 - xã Tam Hiệp - huyện Núi Thành - tỉnh Quảng Nam*
- Số lượng mẫu:** 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu:** 10/12/2021
- Thời gian thử mẫu:** 01 đơn đo ứng nghiệm đã test + 01 đơn đo ứng nghiệm đã OK 80 cm:  
*Tên mẫu cơ chế kỹ khách hàng*
- Thời gian thử nghiệm:** Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 21/12/2021

| STT | Tên chỉ tiêu                                                                     | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức quy định theo TCVN 7305-2: 2008 | Kết quả     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------------------------|-------------|
| 1   | Đường kính ngoài                                                                 | mm     | TCVN 6145: 2004   | 630,0 ± 633,8                       | 630,2       |
| 2   | Chiều dài vách ống                                                               | mm     | TCVN 6145: 2004   | 241 ± 26,7                          | 25,8        |
| 3   | Độ oval                                                                          | mm     | TCVN 7305-2: 2008 | ≤ 22,1                              | 6,1         |
| 4   | Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc                                            | %      | TCVN 6148: 2007   | ≤ 3,0                               | 1,1         |
| 5   | Độ giãn dài khi đứt                                                              | %      | TCVN 7434: 2004   | ≥ 350                               | 556         |
| 6   | Độ bền ép suất thử tính ở 20°C trong 100 giờ<br><i>- Áp suất thử 9,8 MPa/cm²</i> |        | TCVN 6149: 2007   | Không rò rỉ                         | Không rò rỉ |



**TRƯỞNG PHÒNG HÀNG TIÊU DÙNG**

*Phạm Thủy Hằng*

**Phạm Thủy Hằng**

Hà Nội, ngày 21 / 12 / 2021

**GIÁM ĐỐC**




**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Ngọc Khâm*

*Lưu ý: Phiếu test này chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã thử nghiệm đúng nội dung.*  
 This test result is valid only for the sample taken for inspection.

**Quatest 1**

**KỶ LỤC NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG**  
**Discordance for Standard Methodology and Quality**  
**TỜ TRÌNH XÉT NHẬN TỪ CHUYÊN BỘ LƯỢNG CHẤT QUATEST 1**  
**Quality Assurance and Testing Center I**

Số/Ngày: AH/SH / 10-12 Trang/Hoàng H

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Ông HOANG LOU PHUO DHAIOA,3 mm (Khả năng uốn) Công ty Cổ phần nhựa Super Trường Giang  
 Nội dung yêu cầu khác: Yêu cầu và cấp độ công nhận đủ loại, nhưng chỉ chấp thuận các hoạt động trong, có thể được, huyện Hiep Hoa, tỉnh Bắc Giang  
 Các tài liệu, thông tin, mối quan hệ liên quan đến việc chấp thuận của bạn: Mã đơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang  
 Địa điểm: Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang  
 Chỉ tiêu cần: Trung tâm phân tích và TSMST Bắc Giang  
 Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần xây dựng và địa tư phát triển kiến trúc đô thị
- Khách hàng: Công ty Cổ phần xây dựng và địa tư phát triển kiến trúc đô thị
- Mô hình mẫu: 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu: 30/10/2019
- Thời gian làm: 01 ngày đo đạc nhai đã 1,2 met
- Thủ tục thử nghiệm: Từ ngày 31/10/2019 đến ngày 12/11/2019

| STT                               | Tên chỉ tiêu                               | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức quy định theo TCVN 7305-2 :2008 | Kết quả     |
|-----------------------------------|--------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------------------------|-------------|
| 1.                                | Đường kính ngoài                           | mm     | TCVN 6145: 2004   | 160,0 ± 161,0                       | 160,3       |
| 2.                                | Chiều dài vạch ống                         | mm     | TCVN 6145: 2004   | 6,2 - 7,0                           | 6,6         |
| 3.                                | Dộ oval                                    | mm     | TCVN 7305-2 :2008 | ≤ 3,2                               | 1,2         |
| 4.                                | Sự thay đổi kích thước trên chiều dọc      | %      | TCVN 6148: 2007   | ≤ 3,0                               | 1,2         |
| 5.                                | Dộ biến dạng khi đặt tải                   | %      | TCVN 7434: 2004   | ≥ 350                               | 725         |
| 6.                                | Đòn bẩy áp suất tĩnh ở 20°C trong 100 giây |        | TCVN 6149: 2007   | Không rõ ri                         | Không rõ ri |
| <i>(Lưu kết quả K.Q. Kết quả)</i> |                                            |        |                   |                                     |             |

  
 Hà Nội, ngày 12/11/2019  
**R.F. GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH TIẾP ĐÓNG



**Phan Huy Hàng**

  
**PHỤ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Hoàng*

---

- Phiên bản cuối này chỉ có giá trị đối với mẫu thử mà khách hàng đang sử dụng.
- This test results is valid only for samples taken by customer.
- Chỉ số được trình bày và phải ghi kèm theo mẫu thử không được sử dụng là số trung bình 3 lần thử.
- This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
- The main or sole check against which they rely upon each other's handling.
- None of specimen and customer are worried as customer's request.

QUATEST 1

Lịch sử biên 05/2019



**Quatest 1**

Trung tâm tiêu chuẩn và chứng chỉ chất lượng  
 Trung tâm Tiêu chuẩn và Chứng chỉ Chất lượng  
 Quality Assurance and Testing Center

Trụ sở chính: 91 Hoàng Quốc Việt,  
 Cầu Giấy - Hà Nội  
 Tel: 04 3884 2399 - Fax: 04 3884 8190  
 Email: trungtam@quatest.vn  
 Chi nhánh: 2 Phố Cù Chính Hưng, Long  
 Biên, Quận 7, Hồ Chí Minh  
 Tel: 08 35949403 - Fax: 08 35949405

Số seri: 19/1189/101
Trung tâm: 411

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

**1. Tên mẫu thử:** Ống HDPE DN15 PN10  
*Mẫu dùng cho công trình: Xây dựng hệ thống cấp nước dự án Thủ Trại (tỉnh Sơn La)*

**2. Khách hàng:** Công ty Cổ phần nước Super Trường Phú  
*Số lượng mẫu: 01 mẫu*

**3. Tình trạng mẫu:** 01 đoạn ống như dưới 1,5 mét

**4. Ngày nhận mẫu:** 22/05/2019

**6. Thời gian thử nghiệm:** Từ ngày 23/05/2019 đến ngày 31/05/2019

| STT | Tên chỉ tiêu                                  | Đơn vị | Phương pháp thử   | Mức quy định theo TCVN 7305-2: 2008 | Kết quả  |
|-----|-----------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------------------------|----------|
| 1.  | Đường kính ngoài                              | mm     | TCVN 6145: 2004   | 315,0 - 316,9                       | 315,3    |
| 2.  | Chiều dài vạch ống                            | mm     | TCVN 6145: 2004   | 23,2 - 25,7                         | 24,3     |
| 3.  | Độ oval                                       | mm     | TCVN 7305-2: 2008 | ≤ H1,1                              | 2,5      |
| 4.  | Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc         | %      | TCVN 6146: 2007   | ≤ 3,0                               | 1,0      |
| 5.  | Độ giãn dãn khi uốn                           | %      | TCVN 7434: 2004   | ≥ 350                               | 611      |
| 6.  | Độ bền áp suất thủy tĩnh ở 20°C trong 100 giờ | MPa    | TCVN 6148: 2007   | Không có                            | Không có |

*Áp suất thử 15,9 MPa*

Hà Nội, ngày 31/05/2019

**ĐC - CHAM ĐỐC**

TRUNG TÂM  
TIÊU CHUẨN VÀ  
CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

THỦ PHẠM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Chiêm

**TRƯỞNG PHÒNG HẠNG TIÊU ĐÚNG**

*Phạm Thủy Hằng*

**Phạm Thủy Hằng**

*1. Phương pháp lấy mẫu và vị trí lấy mẫu phải tuân thủ khách hàng theo tiêu chuẩn.*  
*2. Các yêu cầu về mẫu thử phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về lấy mẫu theo tiêu chuẩn kỹ thuật.*  
*3. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị khi có chữ ký và đóng dấu của người đại diện của khách hàng.*  
*4. Các mẫu thử và kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị khi có chữ ký và đóng dấu của khách hàng.*

TIN NHẬN 3.0.001.2014

\*Chú thích: STP Group tiền thân là Super Trường Phát



# HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ, CÔNG ĐOÀN

- Hoạt động lễ chùa đầu năm.
- Hoạt động nghỉ hè hàng năm.
- Các chương trình vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng tri ân CBCNV ngày thành lập.
- Hoạt động tổng kết và tri ân CBCNV cuối năm.
- Hoạt động đào tạo nghiệp vụ.
- Hoạt động 5S hàng tuần
- Hoạt động tuyên dương, tri ân nhân sự xuất sắc.
- Các hoạt động tổ chức, kỷ niệm các ngày lễ và ngày sinh nhật CBCNV.



Lễ tổng kết năm 2021  
Năm của Tiên phong & Bứt phá.



TEAM-BUILDING  
TẠI CÁC KỲ NGHỈ CÔNG TY



Chụp ảnh kỷ niệm nhân dịp  
sinh nhật STP Group.



HÌNH ẢNH BÀN GIAO CA  
TẠI NHÀ MÁY HƯNG YÊN STP



ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN  
TẠI NHÀ MÁY HƯNG YÊN



GIẢI OLYMPICS 2021 TẠI HÀ NỘI





Thank you!

## GIẢI THƯỞNG VÀ LỜI KẾT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN STP

Địa chỉ: Số T151, Lô đất H4, Khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Hà Nội  
Điện Thoại: 1900 0246  
Email: info@stpgroup.com.vn  
Website: stpgroup.com.vn

Nhà máy Hưng Yên: Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên  
Nhà máy Thái Bình: Thôn Phú Ốc, Xã Thái Hưng, Huyện Hưng Hà, Thái Bình  
Nhà máy Quảng Ngãi: Thôn An Kỳ, Xã Tịnh Kỳ, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH HƯNG YÊN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0105628338-004  
Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 09 năm 2022  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 11 năm 2022

**1. Tên chi nhánh:**  
CHI NHÁNH HƯNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**  
Đường 69M, tổ dân phố Rừng, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 02436763566 Fax:  
Email: Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**  
Họ và tên: PHẠM QUỐC CHÍNH Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 01/05/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034082004521  
Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 46 Lãm Viên, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Địa chỉ hiện tại: Số 46 Lãm Viên, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**  
Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT  
Mã số doanh nghiệp: 0105628338  
Địa chỉ trụ sở chính: Số T151, Lô đất H4, Khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**TRƯỜNG PHÁT**  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
Hà Nội

*Đoàn Thị Bình*

GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
**NHÀ MÁY HƯNG YÊN STP GROUP**

**GREEN BRAND 4R**

BAN TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH  
**THƯƠNG HIỆU XANH TRONG CMCN 4.0**

**Chứng nhận  
CERTIFICATE**

**SuperPlus**  
trungphatplastic.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT**  
Địa chỉ: Số T151, Lô đất H4, Khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

**ĐẠT DANH HIỆU  
TOP 10 THƯƠNG HIỆU XANH VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2022

VIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ QUẢN LÝ  
VIỆN TRƯỞNG

TẬP CHÍ VIỆT NAM HỘI NHẬP  
TỔNG BIÊN TẬP

PHẠM HỮU TIỀN

ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG

TOP 10 THƯƠNG HIỆU XANH TRONG CMCN 4.0  
Top 10 of Green Brand

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TRUNG ƯƠNG HỘI NGHỀ CÁ VIỆT NAM  
TẶNG

**BẰNG KHEN**

Bà Nguyễn Thị Hải Bình  
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần nhựa Super Trường Phát  
Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội.  
Đã có nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác  
góp phần xây dựng Hội nghề cá Việt Nam năm 2021

TRUNG ƯƠNG HỘI NGHỀ CÁ VIỆT NAM  
BẰNG KHEN CÁ NHÂN XUẤT SẮC  
Awards for excellent enterprise by Vietnamese  
Fisheries Association

ĐƠN VỊ CHỨC  
HỘI NGHỆ CÁ VIỆT NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
Ban tổ chức cuộc thi GREEN STARTUP BOOTCAMP 2021

Trần Trọng Kiên ON  
NHÀ TÀI TRỢ

**Công ty cổ phần  
Nhựa super Trường Phát**  
Đã tài trợ hỗ trợ chương trình diễn ra thành công tốt đẹp

HÀ NỘI NGÀY 29 THÁNG 03 NĂM 2021

TRƯỜNG BANY B CHỨC

CHỨNG NHẬN NHÀ TÀI TRỢ  
Sponsor Certification of Green Startup Bootcamp





---

**NHÀ MÁY HƯNG YÊN STP GROUP**

**Địa chỉ:** Phường Dịch Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

**Hotline:** 1900 0246

**Email:** [info@stpgroup.com.vn](mailto:info@stpgroup.com.vn)

**Website:** [stpgroup.com.vn](http://stpgroup.com.vn)